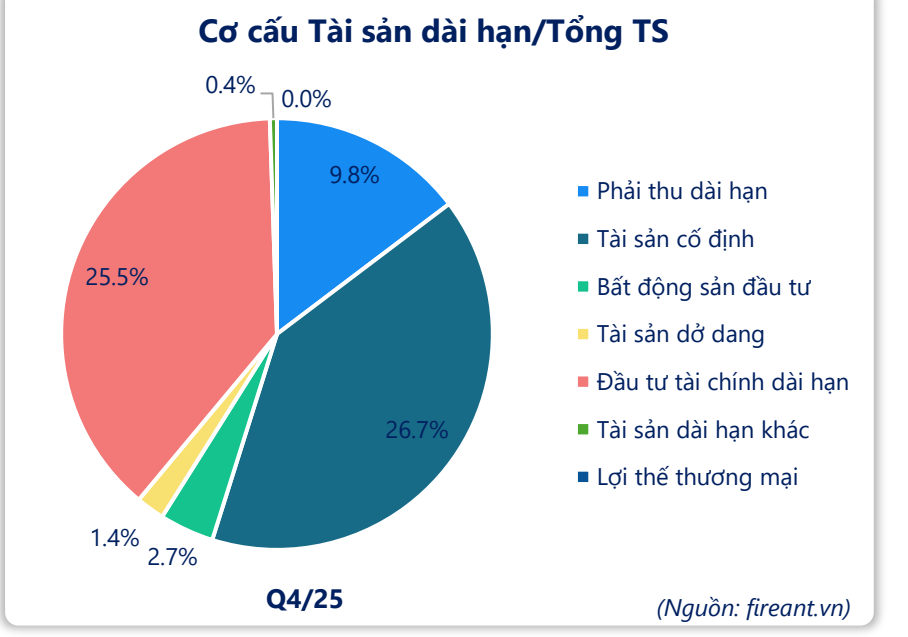
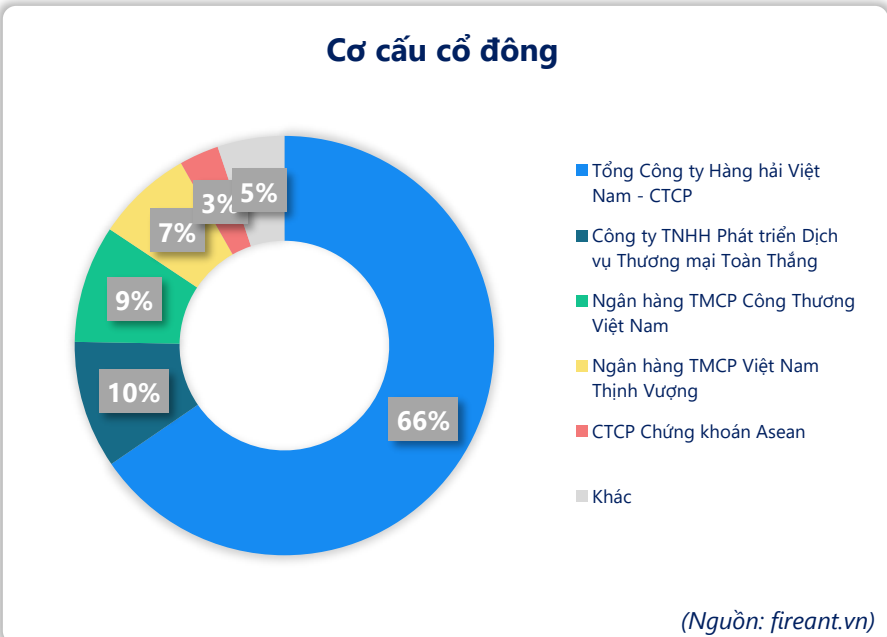
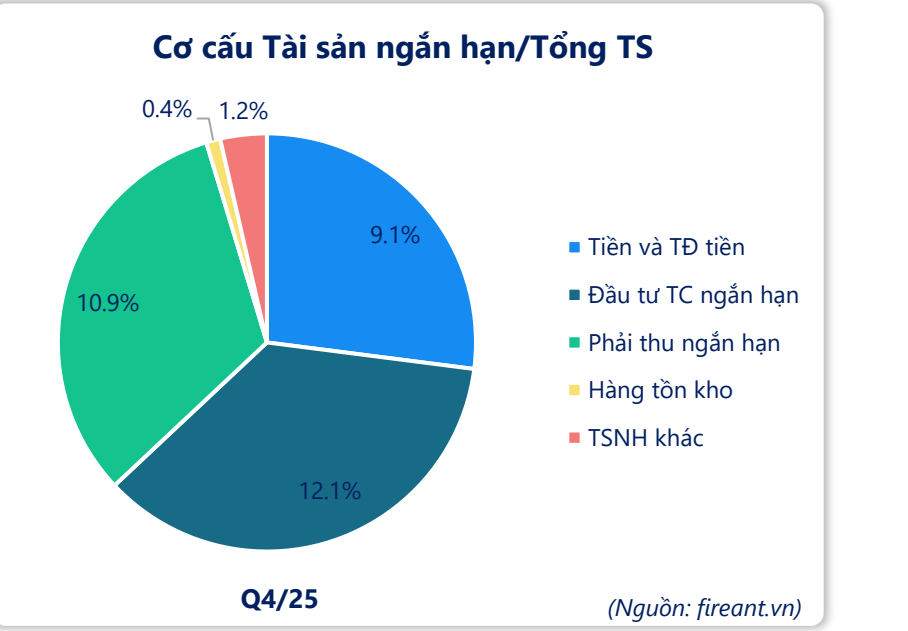
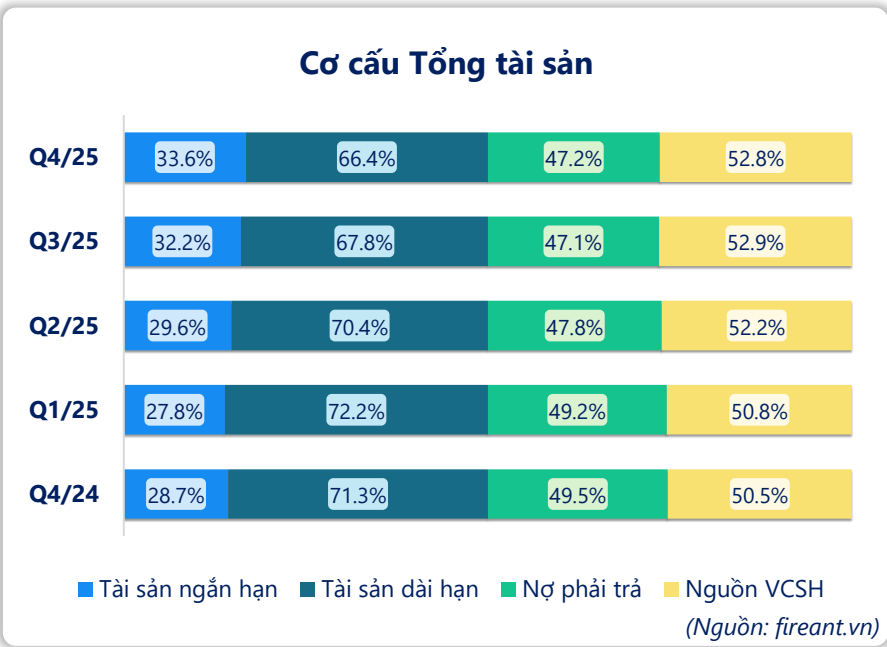
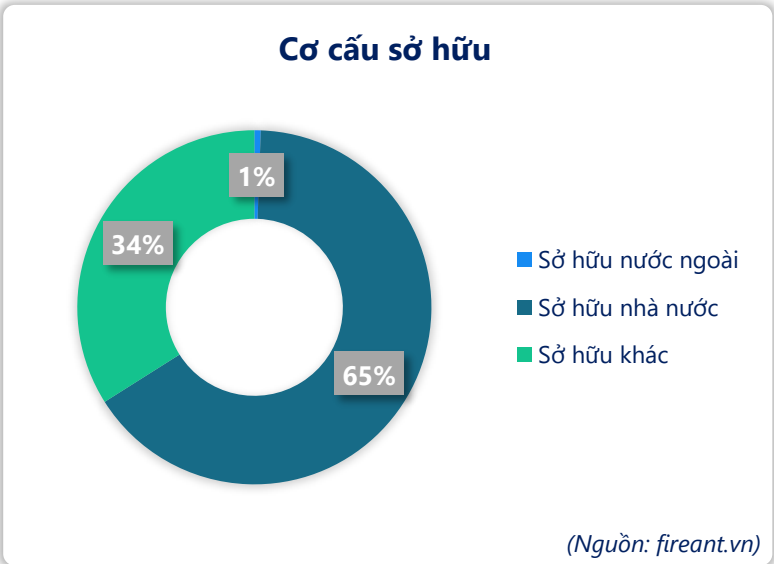
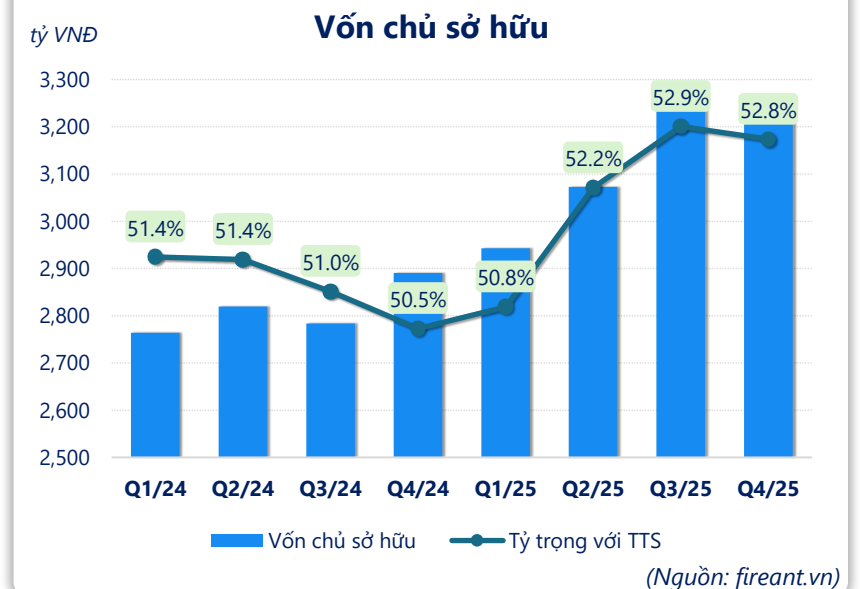
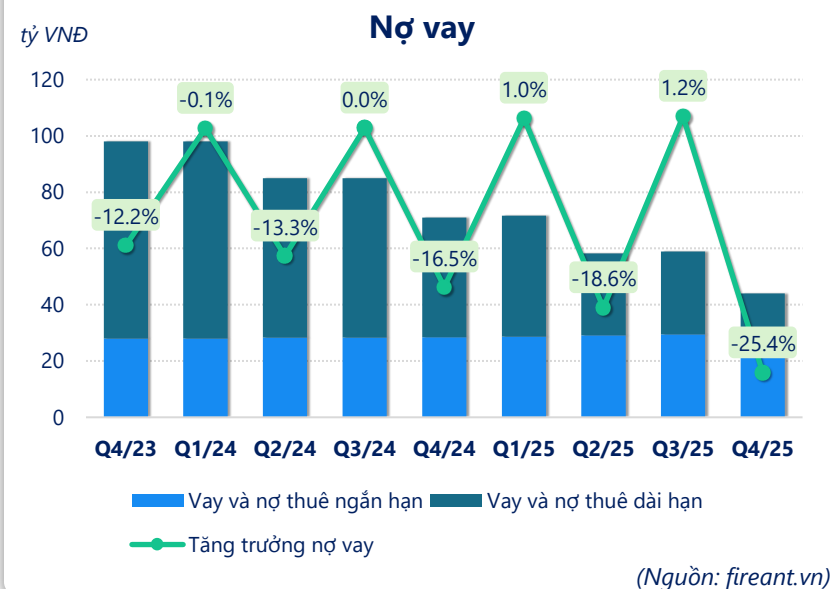
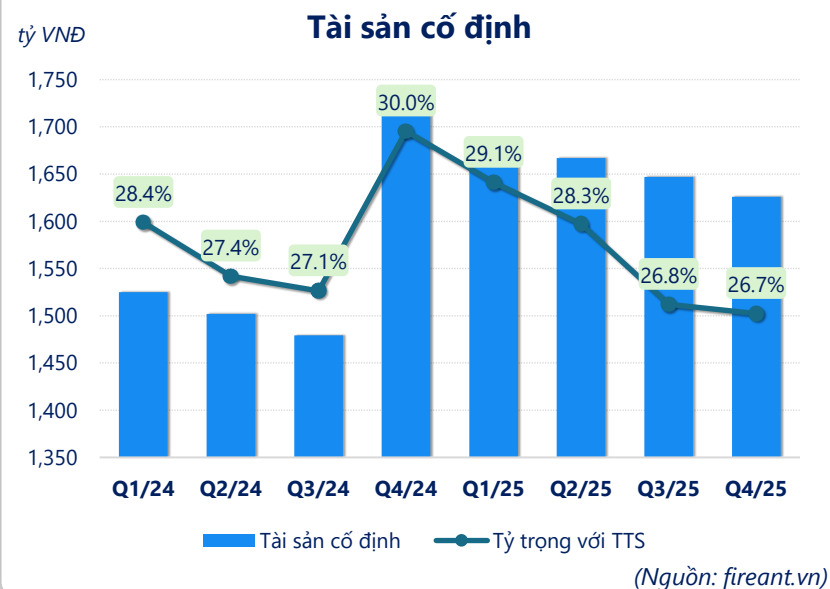
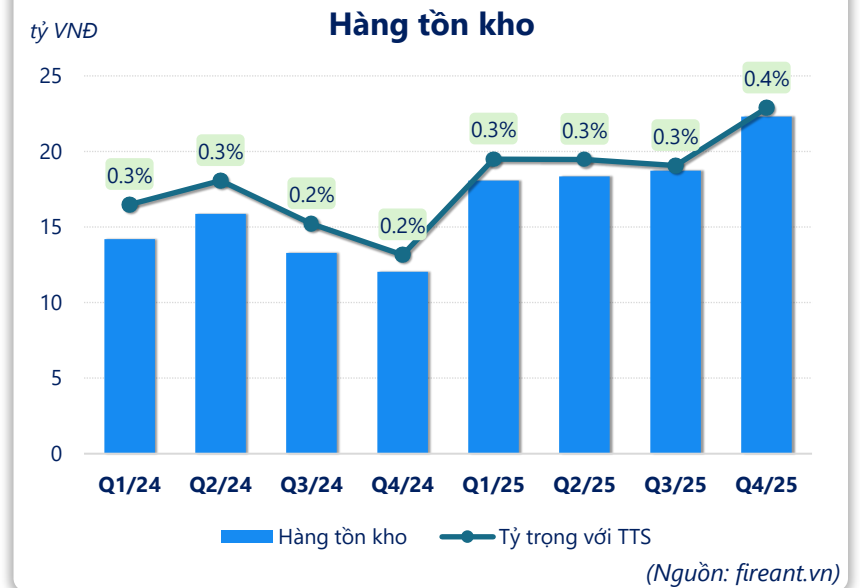
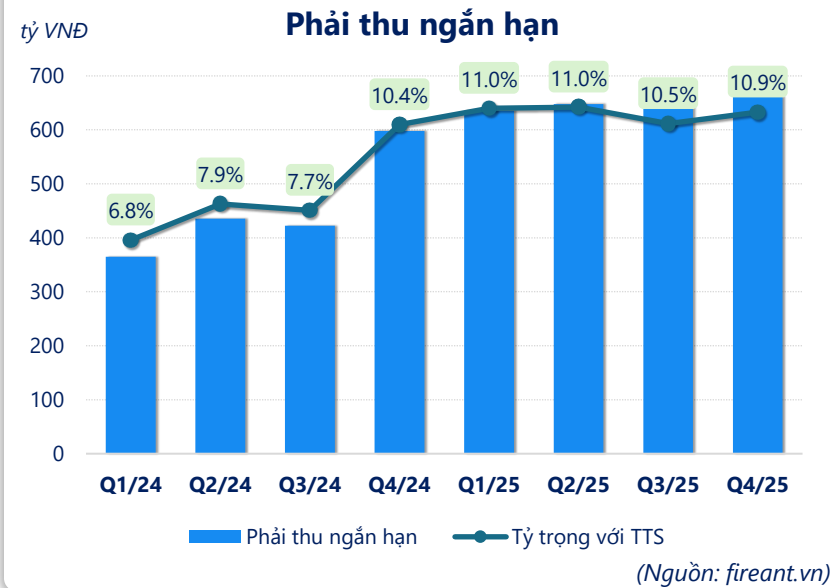
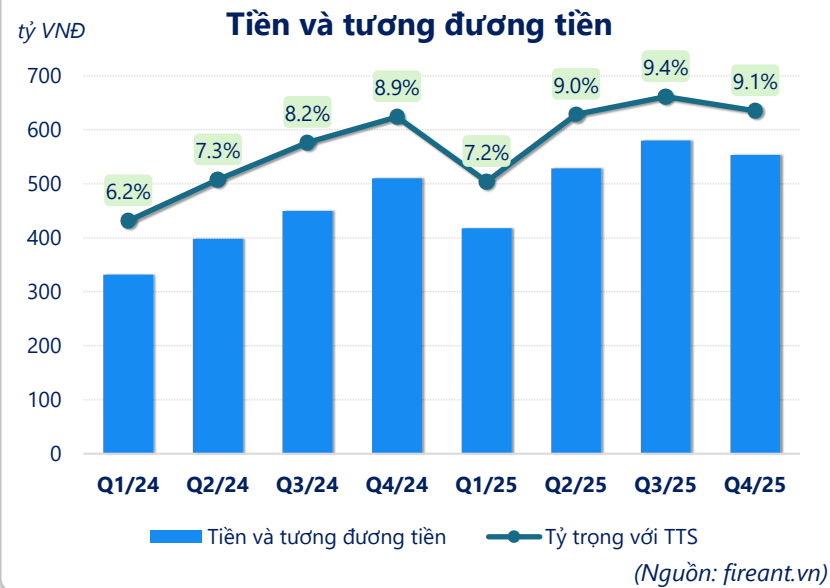
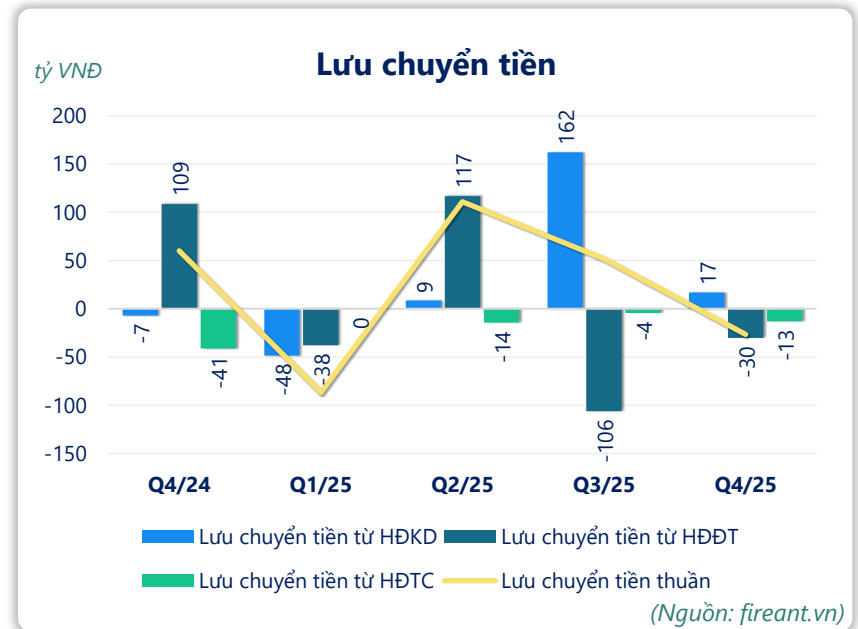
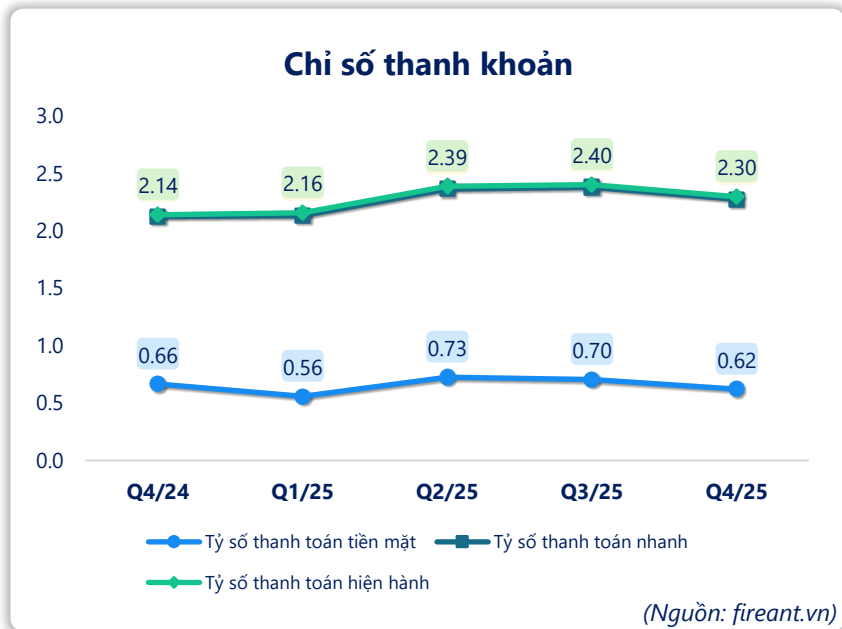
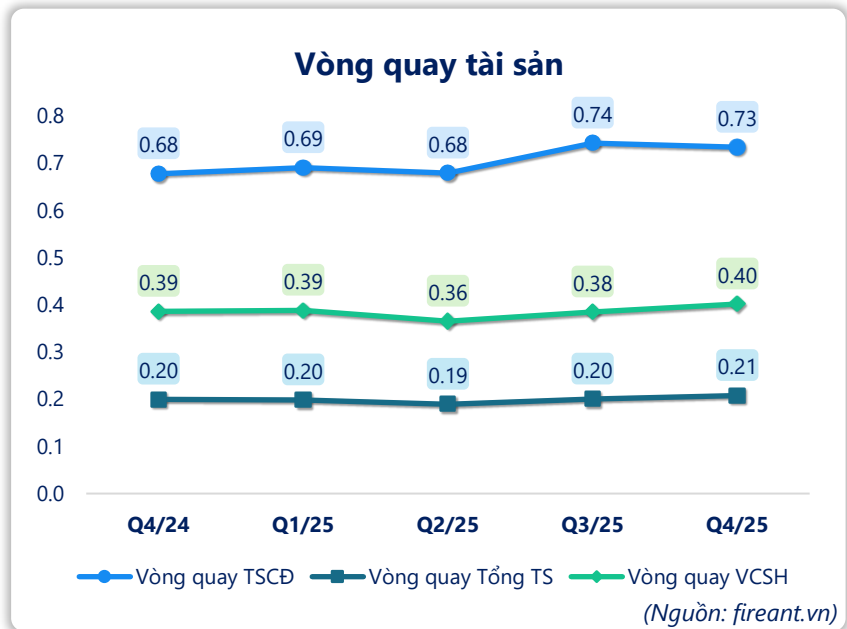
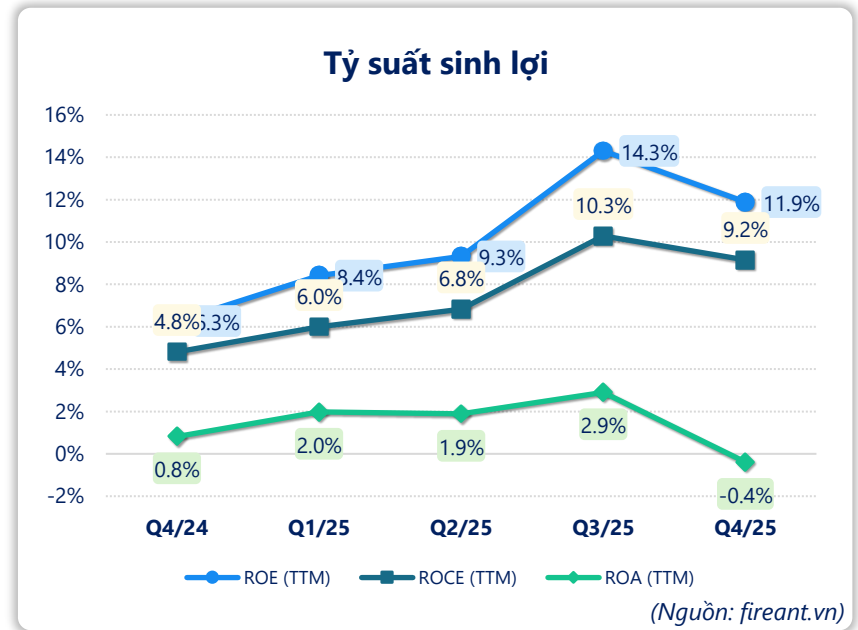
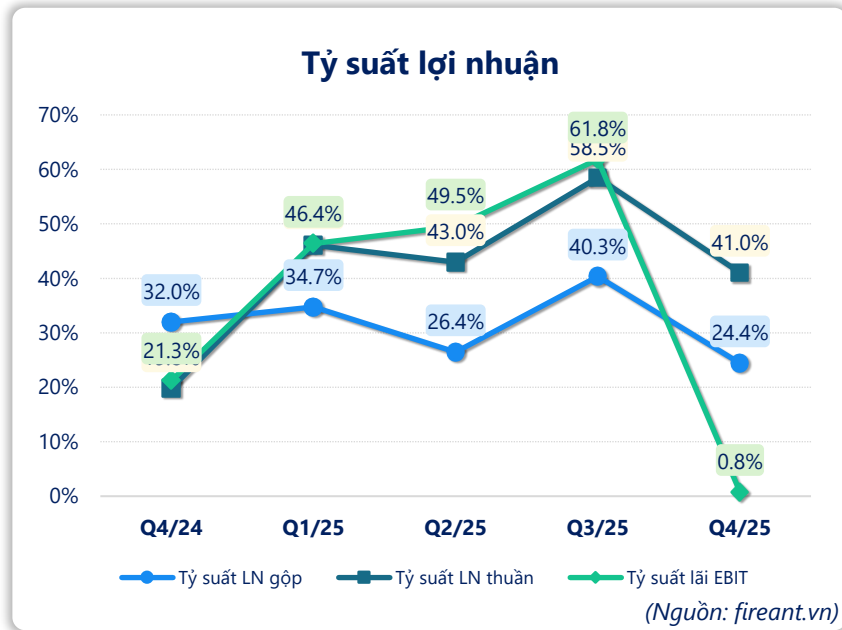
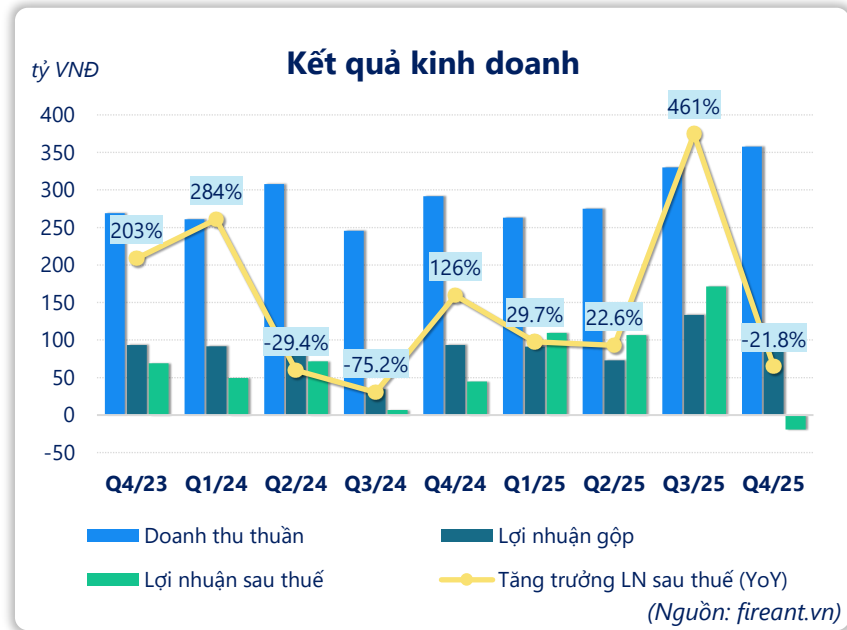


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		40,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,800
SL cổ phiếu LH		216,294,961
KLGD BQ 20 phiên (CP)		104,875
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,559
P/E		15.3
EPS		1,678

	YTD	1T	3T	6T
SGP	-9.5%	-8.5%	-5.5%	-5.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,097	5,757	5.9%
Tài sản ngắn hạn	2,048	1,634	25.3%
Tiền và tương đương tiền	553	504	9.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	737	356	107%
Phải thu ngắn hạn	662	586	12.8%
Hàng tồn kho	22.3	16.2	37.4%
Tài sản ngắn hạn khác	73.6	171	-57.0%
Tài sản dài hạn	4,050	4,123	-1.8%
Phải thu dài hạn	595	816	-27.0%
Tài sản cố định	1,626	1,711	-5.0%
Bất động sản đầu tư	165	171	-3.2%
Tài sản dở dang	86.5	103	-16.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,555	1,308	18.9%
Tài sản dài hạn khác	21.5	14.3	50.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,879	2,881	-0.1%
Nợ ngắn hạn	892	767	16.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	29.3	28.3	3.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	97.2	64.7	50.1%
Nợ dài hạn	1,987	2,113	-6.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.7	42.5	-65.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,219	2,877	11.9%
Vốn chủ sở hữu	3,219	2,877	11.9%
Vốn điều lệ	2,163	2,163	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	292	263	275	330	358
Giá vốn hàng bán	198	172	202	197	270
Lợi nhuận gộp	93.3	91.4	72.7	133	87.3
Doanh thu HĐTC	219	18.8	37.6	57.4	54.7
Chi phí TC	208	9.05	7.72	9.68	15.8
Chi phí lãi vay	0.21	0.23	16.5	9.56	9.89
LN trong công ty LKLD	31.0	60.0	63.0	67.9	60.4
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	78.2	39.9	47.4	55.7	39.8
LN thuần từ HĐKD	57.8	121	118	193	147
Lợi nhuận khác	3.94	0.48	1.52	1.50	-154
LN trước thuế	61.8	122	120	195	-7.03
Lợi nhuận sau thuế	44.6	110	107	171	-19.4
LNST của CĐ cty mẹ	45.5	111	107	168	-22.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.16	-48.5	8.66	162	16.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	109	-38.0	117	-106	-30.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-41.2	-0.07	-14.5	-4.25	-13.0
Tiền đầu kỳ	450	504	417	528	580
Lưu chuyển tiền thuần	60.1	-86.6	111	51.5	-26.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.04	0.12	0.09	-0.04
Tiền cuối kỳ	510	417	528	580	553

(Nguồn: fireant.vn)